|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KHOA THỦY SẢN** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành: Nuôi trồng thủy sản**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN**

**1. Tên học phần**: SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

**2. Mã học phần**: AQT2013

**3. Số tín chỉ**: 2 **Học phần**: *Tự chọn*

Lý thuyết: 30 tiết

Thực hành (thực hành, thảo luận, bài tập, kiểm tra): 15 tiết

Tự học: 60 giờ

**4. Phân bố thời gian**

Thời điểm thực hiện: Học kỳ 3 (trong chương trình đào tạo)

Số tiết/ tuần: 3 tiết

Tổng số tuần: 15 tuần

**5. Bộ môn/ Khoa phụ trách**: Khoa Thủy sản

**6. Điều kiện ràng buộc**: Học phần tiên quyết: sinh học đại cương

**7. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho người học có kiến thức cơ bản về tình hình khai thác và nuôi trồng thủy sản, có kiến thức cơ bản về nguồn lợi thủy sinh vật, các yếu tố ảnh hưởng, phương pháp đánh giá, biện pháp bảo vệ và tái tạo nguồn lợi, định hướng khai thác hợp lý và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sinh vật.

**8. Mục tiêu học phần**

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:

*8.1. Về kiến thức*:

- Trình bày được mối liên quan giữa các hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản để phát triển và quản lý nguồn lợi thủy sản;

- Đánh giá được về các chỉ số đánh giá hiện trạng nguồn lợi thủy sản; mối liên hệ giữa điều kiện tự nhiên, các hệ sinh thái để phát triển và quản lý nguồn lợi thủy sản;

- Nêu được hiện trạng sử dụng mặt nước và giống loài nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam

- Trình bày được các nguyên nhân ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản;

*8.2. Về kỹ năng*:

- Có kỹ năng sử dụng các phương pháp để đánh giá nguồn lợi thủy sản.

*8.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- Có thái độ học tập và ý thức trách nhiệm trong công việc

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

*9.1. Nhiệm vụ*

- Trước các buổi học, giờ học: Nghiên cứu giáo trình, tài liệu (cá nhân, nhóm), thực hành (cá nhân, nhóm); sưu tầm, nghiên cứu các các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;

- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy định.

*9.2. Nội dung cần đạt*

- Kiến thức:

+ Có kiến thức về mối liên quan giữa các hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản để phát triển và quản lý nguồn lợi thủy sản;

+ Có kiến thức về các chỉ số đánh giá hiện trạng nguồn lợi thủy sản; mối liên hệ giữa điều kiện tự nhiên, các hệ sinh thái để phát triển và quản lý nguồn lợi thủy sản;

+ Có kiến thức về hiện trạng sử dụng mặt nước và giống loài nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam

+ Có kiến thức về các nguyên nhân ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản;

- Kĩ năng:

+ Có kỹ năng sử dụng các phương pháp để đánh giá nguồn lợi thủy sản.

- Thái độ:

##### + Có ý thức học tập và nghiên cứu học phần nghiêm túc.

##### + Đưa ra được các giải pháp khai thác và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản.

**10. Tài liệu tham khảo**

*10.1. Giáo trình chính thức*

[1]. FAO (2020), *The state of world fisher and aquacultur*e, Food and Agriculture Organization of the United Nations.

***10.2. Tài liệu tham khảo***

[2] Vũ Trung Tạng (2009), *Sinh thái học các hệ sinh thái nước,* NXB Giáo dục

**11. Trang, thiết bị dạy - học**: Máy tính, máy chiếu, dụng cụ thí nghiệm.

**12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên**

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu môi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.

- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiếm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.

- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

**13. Thang điểm**

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

| **Xếp loại** | | **Thang điểm 10** | **Thang điểm chữ** | **Thang điểm 4** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đạt  (Tích lũy) | Giỏi | 9,0 – 10,0 | A+ | 4,0 |
| 8,5 – 8,9 | A | 3,8 |
| Khá | 8,0 – 8,4 | B+ | 3,5 |
| 7,0 – 7,9 | B | 3,0 |
| Trung bình | 6,5 – 6,9 | C+ | 2,5 |
| 5,5 – 6,4 | C | 2,0 |
| Trung bình yếu | 5,0 – 5,4 | D+ | 1,5 |
| 4,0 – 4,9 | D | 1,0 |
| Không đạt | Kém | < 4,0 | F | 0 |

**14. Nội dung học phần**

**Chương 1. VÀI NÉT VỀ TÌNH HÌNH KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỢI THỦY SẢN**

*Tổng số: 6 tiết, trong đó Lý thuyết: 6 tiết; Tự học: 12 giờ*

1.1. Tình hình khai thác và sử dụng thủy sản thế giới và Việt Nam.

1.1.1. Khái niệm về nguồn lợi thủy sản

1.1.2. Tình hình khai thác và nuôi trồng thủy sản trên thế giới

1.1.3. Tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi thủy sản ở nước ta

1.2. Quản lý nghề cá.

1.3. Thống kê thủy sản.

1.4. Các phương pháp đánh giá nguồn lợi thủy sản

1.5. Tình hình nghiên cứu nguồn lợi thủy sản ở Việt Nam

**Chương 2. NGUỒN LỢI THỦY SẢN VÀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN CHO SỰ PHÁT TRIỂN NGHỀ CÁ NỘI ĐỊA**

*Tổng số: 8 tiết, trong đó Lý thuyết: 8 tiết; Tự học: 12 giờ*

2.1. Đặc điểm tự nhiên các thủy vực nội địa (sông suối, ao hồ, ruộng trũng, kênh rạch, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo, …)

2.2. Phân bố nguồn lợi thủy sản theo các loại hình thủy vực nội địa

2.3. Hiện trạng nguồn lợi thủy sản nội địa

2.3.1. Hiện trạng nguồn lợi cá

2.3.2. Hiện trạng nguồn lợi giáp xác

2.3.3. Hiện trạng nguồn lợi thân mềm

2.3.4. Hiện trạng nguồn lợi thủy sản khác

2.4. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản nội địa

2.4.1. Sản lượng khai thác nội địa

2.4.2. Sản lượng nuôi trồng thủy sản nội địa

Kiểm tra 1 tiết

**Chương 3. NGUỒN LỢI THỦY SẢN VÀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN CHO SỰ PHÁT TRIỂN NGHỀ CÁ BIỂN**

*Tổng số: 6 tiết, trong đó Lý thuyết: 6 tiết; Tự học: 12 giờ*

3.1. Đặc trưng về điều kiện tự nhiên của thềm lục địa Việt Nam

3.2. Cấu trúc về thành phần loài và nguồn lợi sinh vật

3.3. Hiện trạng nguồn lợi hải sản

3.3.1. Hiện trạng nguồn lợi cá biển

3.3.2. Hiện trạng nguồn lợi giáp xác

3.3.3. Hiện trạng nguồn lợi thân mềm

3.3.4. Hiện trạng nguồn lợi thủy sản khác

3.4. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản lợ và mặn

3.4.1. Sản lượng khai thác

3.4.2. Sản lượng nuôi trồng

**CHƯƠNG 4. KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG NGUỒN LỢI THỦY SẢN**

*Tổng số: 10 tiết, trong đó Lý thuyết: 10 tiết; Tự học: 20 giờ*

4.1. Khái niệm và các tiêu chí phát triển bền vững.

4.1.1. Khái niệm phát triển bền vững

4.1.2. Các tiêu chí phát triển bền vững

4.2. Những nguyên nhân ảnh hưởng đến môi trường sống và nguồn lợi thủy sản.

4.3. Các giải pháp khai thác hợp lý và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản.

4.3.1. Các nhóm giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường nước

4.3.2. Các nhóm giải pháp quản lý nguồn lợi

Kiểm tra 1 tiết

**15. Phương pháp đánh giá học phần**

Quy định số lần kiểm tra bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TP | Chuyên cần | | | | | | | | Định kỳ | | | | Thi | |
| Trọng số 10% | | | | | | | | 30% | | | | 60% | |
| TC | (1) | | (2) | | (3) | | (4) | | (5) | | (6) | | (7) | (8) |
| SL | HS | SL | HS | SL | HS | SL | HS | SL | HS | SL | HS | SL | HS |
|  | 1 | 1 |  |  | 1 | 2 | 1 | 2 |  |  | 2 | 1 | 1 | 1 |
| Liên hệ với 9.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | X | x | x | X |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | X | x | x | X |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | X | x | x | X |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | X | x | x | x |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x | x |
| X | x |  |  | x | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | X | x | x | X |

+ Có kiến thức về mối liên quan giữa các hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản để phát triển và quản lý nguồn lợi thủy sản;

+ Có kiến thức về các chỉ số đánh giá hiện trạng nguồn lợi thủy sản; mối liên hệ giữa điều kiện tự nhiên, các hệ sinh thái để phát triển và quản lý nguồn lợi thủy sản;

+ Có kiến thức về hiện trạng sử dụng mặt nước và giống loài nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam

+ Có kiến thức về các nguyên nhân ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản;

- Kĩ năng:

+ Có kỹ năng sử dụng các phương pháp để đánh giá nguồn lợi thủy sản.

- Thái độ:

##### + Có ý thức học tập và nghiên cứu học phần nghiêm túc.

##### + Đưa ra được các giải pháp khai thác và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản.

Tích (X) nếu bài kiểm tra, đánh giá liên quan đến những nội dung cần đạt tại mục 9.2

(1) Điểm chuyên cần (vắng học 2% tổng số tiết trừ 1 điểm, tính theo thang điểm 10)

(2) Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;

(3) Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận;

(4) Điểm đánh giá thực hiện bài tập, thực hành;

(5) Điểm thi giữa kỳ;

(6) Điểm đánh giá định kỳ;

(7) Thi kết thúc học phần hoặc Điểm tiểu luận.

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: Thi viết.

**16. Phương pháp dạy và học:** Giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ban Giám hiệu** | **Trưởng khoa** |  | **Người soạn** |

Lê Thị Như Phương